

Bản án số: 545/2019/KDTM-PT

Ngày: 10/6/2019

*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán: **Bà Biện Thị Hoa**

Bà Trương Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Hải** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 15/5/2019 và ngày 10/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/KDTM-PT ngày 10/01/2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 658/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương Mại – Dịch vụ NV.

Địa chỉ: Đường NV, phường T, Quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy L – Sinh năm 1976 (Giấy ủy quyền ngày 19/01/2019) – có mặt

Địa chỉ: Đường N, Phường TN, Thành phố BH, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương Mại LL.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc Kim C – Sinh năm 1975 (Giấy ủy quyền ngày 13/11/2018) – có mặt

Địa chỉ: Đường NKM, phường T, Quận S, TP.H

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH TH.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện TC, tỉnh TN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy L – Sinh năm 1976 (Giấy ủy quyền ngày 26/01/2019) – có mặt

Địa chỉ: Đường N, Phường TN, Thành phố BH, tỉnh Đ.

- Công ty TNHH TT.

Địa chỉ: ấp O, xã SN, huyện TC, tỉnh TN

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy L – Sinh năm 1976 (Giấy ủy quyền ngày 26/01/2019) – có mặt

Địa chỉ: Đường N, Phường TN, Thành phố BH, tỉnh Đ

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương Mại – Dịch vụ NV và Công ty TNHH Thương Mại LL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV ngày 20/5/2014, đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Trần Duy L - đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV trình bày:

Ngày 10/3/2011, Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV (viết tắt là Công ty NV) và Công ty TNHH thương mại LL (viết tắt là Công ty LL) có ký hợp đồng kinh tế số 110310/TT-LL/HĐKT, Công ty NV đồng ý mua của Công ty LL hai động cơ Mitsubishi nhập từ nước ngoài với quy cách giống nhau: GAS-Model GS12V-Công suất 1520KW-1000RPM-400V-50HZ đã qua sử dụng, tổng giá trị hợp đồng là 550.000 USD đã bao gồm thuế GTGT. Theo thỏa thuận của hợp đồng, ngày 23/3/2011 Công ty NV đã đặt cọc 100.000 USD tương đương 2.088.000.000 đồng. Khi hai động cơ về đến Cảng Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08/6/2011 Công ty NV thanh toán cho Công ty LL số tiền 150.000 USD tương đương 3.105.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty NV đã thanh toán cho Công ty LL là 5.193.000.000 đồng. Theo quy định Điều 2 của Hợp đồng, Công ty LL có nghĩa vụ “lắp đặt chạy vận hành tốt” nhưng Công ty LL vẫn không thực hiện nghĩa vụ “lắp đặt chạy vận hành tốt” từ tháng 04/2011 cho đến nay, gây thiệt hại cho Công ty NV. Công ty LL đã kết nối 01 máy nhưng chạy vận hành không được và một máy chưa được kết nối với nhau. Do đó, Công ty NV khởi kiện Công ty LL yêu cầu:

- Chấm dứt (đình chỉ) thực hiện hợp đồng kinh tế số 110310/TT-LL/HĐKT ngày 10/3/2010 giữa Công ty NV và Công ty LL.

- Buộc Công ty LL trả cho Công ty NV số tiền đã thanh toán Hợp đồng là 5.193.000.000 đồng.

- Buộc Công ty LL bồi thường cho Công ty NV thiệt hại do 02 động cơ không hoạt động được từ ngày 01/4/2011 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án là: $5.193.000.000 \times 7,5\%/12 \text{ tháng} \times 90 \text{ tháng}$ (tính tròn tháng từ ngày 01/4/2011 đến ngày 30/9/2018) = 2.921.062.500 đồng.

Bà Trần Thị Ngọc Anh – đại diện theo ủy quyền của Công ty LL tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 10/3/2011 Công ty NV và Công ty LL có ký hợp đồng kinh tế số 110310/TT-LL/HĐKT với nội dung: Công ty LL bán cho Công ty NV hai động cơ Mitsubishi từ nước ngoài với quy cách giống nhau: GAS-Model GS12V-Công suất 1520KW-1000RPM-400V-50HZ đã qua sử dụng, tổng giá trị hợp đồng là 550.000 USD đã bao gồm thuế GTGT. Công ty NV đã thanh toán cho Công ty LL số tiền tổng cộng là 250.000 USD tương đương 5.193.000.000 đồng. Theo hợp đồng Công ty LL có trách nhiệm cung cấp động cơ và lắp đặt động cơ vào đúng vị trí theo yêu cầu của Công ty NV. Thực hiện hợp đồng kinh tế nêu trên, Công ty LL đã giao cho Công ty NV hai động cơ Mitsubishi GAS-Model GS12V-Công suất 1520KW-1000RPM-400V-50HZ cho Công ty NV tại trụ sở Công ty TH và Công ty TT theo yêu cầu của Công ty NV. Công ty LL đã thực hiện việc chạy vận hành máy tốt khi giao cho Công ty NV. Tuy nhiên, Công ty NV không cung cấp đúng nguồn ga theo như thỏa thuận của hai bên ban đầu. Do đó, Công ty LL không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty NV.

Ông Trần Duy L - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TT và Công ty TNHH TH trình bày: Công ty NV đang tập kết 02 động cơ Mitsubishi là đối tượng của hợp đồng kinh tế số 110310/TT-LL/HĐKT ký giữa Công ty NV và Công ty LL tại trụ sở Công ty TNHH TT và Công ty TNHH TH. Công ty TNHH TT và Công ty TNHH TH không có tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án. Công ty TNHH TT và Công ty TNHH TH sẽ thực hiện theo nội dung bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án trong vụ án.

Tại bản án số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV đối với Công ty TNHH Thương mại LL:

- Đình chỉ thực hiện hợp đồng kinh tế số 110310/TT-LL/HĐKT ngày 10/3/2011 ký giữa Công ty Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV và Công ty TNHH Thương mại LL.

- Công ty TNHH Thương mại LL có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV số tiền 5.193.000.000 (năm tỷ một trăm chín mươi ba triệu đồng) thực hiện theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại LL không thực hiện việc trả tiền thì Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc Công ty TNHH Thương mại LL thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Kể từ khi Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Thương mại LL chậm trả tiền thì Công ty TNHH Thương mại LL còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

- Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV và Công ty TNHH TH có trách nhiệm giao trả cho Công ty TNHH Thương mại LL 01 máy phát điện hiệu Mitsubishi (đã qua sử dụng) có hiện trạng là một hệ thống máy có hiệu Mitsubishi, thông tin trên thân máy ghi nhận như sau: Type GS 12UPTK, No 337849, DATE 98 OUTPUT PS 1581 KW SPEED 1000 rpm, hệ thống máy đã được kết nối với nhau, đặt bên ngoài xưởng kho có mái che tôn của Công ty TNHH TH. Việc giao và nhận máy được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV và Công ty TNHH TT có trách nhiệm giao trả cho Công ty TNHH Thương mại LL 01 máy phát điện hiệu Mitsubishi (đã qua sử dụng) có hiện trạng máy móc thiết bị bao gồm: 02 hệ thống giải nhiệt máy phát điện hiệu CIAT, Tổ máy phát điện có hiệu Mitsubishi, có thông tin ghi nhận như sau: TYPE Type GS 12UPTK, No 335719, DATE 98 OUTPUT PS 1581 KW SPEED 1000 rpm, gồm động cơ và đầu phát đã được kết nối bằng đế máy; Bộ phận giải nhiệt nước, 01 pô giảm thanh (đều không có hiệu) đi kèm tổ máy phát điện; Bộ phận giải nhiệt nhớt hiệu CIAT đi kèm tổ máy phát điện; Đầu phát gắn với động cơ của tổ máy phát điện nêu trên có hiệu LEROYSOMER; Hiện trạng máy móc, thiết bị nêu trên chưa được kết nối với nhau. Việc giao và nhận máy được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2018, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ NV kháng cáo một phần bản án số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 13/11/2018, bị đơn Công ty TNHH Thương mại LL kháng cáo toàn bộ bản án số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên Toà phúc thẩm:

Ông Trần Duy L - đại diện nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại theo Khoản 2 Điều 311 và Khoản 2 Điều 305 Luật Thương mại, việc bồi thường này là có lợi cho bị đơn vì thỏa thuận bồi thường thiệt hại trong hợp đồng các bên đã ký kết vượt quá 8% theo quy định của Luật Thương mại 2005. Đối với kháng cáo của bị đơn, ông xác nhận là 01 máy tại TH đã lắp đặt nhưng chưa vận hành được, ông Thanh là người trực tiếp lắp đặt có đề nghị chuyên gia Thái Lan để kiểm tra. Nhưng các bên chưa lập biên bản ghi nhận việc này; 01 máy đang để ở Công ty TT chưa lắp đặt. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại.

Bà Trần Ngọc Kim C – đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm, vì các lý do sau:

Cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Văn Thanh tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ông Thanh trực tiếp giao máy xuống kho cho Công ty TH và Công ty TT. Cần triệu tập ông Thanh để xác định 01 máy tại Công ty TH sử dụng được nhưng do hệ thống khí gas nên không vận hành được, còn 1 máy chưa được lắp đặt tại TT. Hai máy này không hoạt động được không phải do lỗi của Công ty LL như phía Công ty NV trình bày.

Ông Trần Duy L – Đại diện Công ty TH: không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Ông Trần Duy L- Đại diện Công ty TT: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại biên bản nghị án ngày 24/10/2018 và tại bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018, hội đồng xét xử sơ thẩm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Thanh Loan, hội thẩm nhân dân là bà Nguyễn Thị Nguyên và bà Nguyễn Thị Vạn ký tên nhưng hội thẩm Nguyễn Thị Vạn không phải là thành viên hội đồng xét xử ngày 24/10/2018, không phải là người trực tiếp tiến hành tố tụng và nghị án vụ án nêu trên mà là hội thẩm Nguyễn Thị Thúy Oanh là thành viên trong hội đồng xét xử vụ án, như vậy: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, vì vậy đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy án về tố tụng nên không có ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ NV và Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại LL làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ NV, Công ty TNHH TH và Công ty TNHH TT ủy quyền cho ông Trần Duy L; Công ty TNHH Thương mại LL ủy quyền cho bà Trần Ngọc Kim C, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về tố tụng: Ngày 31/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2018/QĐXX-KDTM lúc 14 giờ 30 phút ngày 27/9/2018. Những người tiến hành: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan; Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vạn và bà Nguyễn Thị

Nguyên. Ngày 27/9/2018 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ra Quyết định hoãn phiên tòa, thời gian mở lại phiên tòa lúc 14 giờ 30 phút ngày 24/10/2018. Ngày 24/10/2018, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ra Quyết định số 36/2018/QĐST-DS thay đổi người tiến hành tố tụng, phân công bà Nguyễn Thị Thúy Oanh là thành viên hội đồng xét xử ngày 24/10/2018 thay bà Nguyễn Thị Vạn do bà Vạn bận công tác đột xuất và Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/QĐXXST-KDTM, những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan; các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyên và bà Nguyễn Thị Thúy Oanh;

[4] Tuy nhiên, tại biên bản nghị án lúc 16 giờ 45 phút ngày 24/10/2018 tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh kết thúc lúc 13 giờ 30 phút ngày 31/10/2018, và tại bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018, hội đồng xét xử sơ thẩm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Thanh Loan, hội thẩm nhân dân là bà Nguyễn Thị Nguyên và bà Nguyễn Thị Vạn ký tên nhưng hội thẩm Nguyễn Thị Vạn không phải là thành viên hội đồng xét xử ngày 24/10/2018, không phải là người trực tiếp tiến hành tố tụng và nghị án vụ án mà là hội thẩm Nguyễn Thị Thúy Oanh là thành viên trong hội đồng xét xử vụ án nêu trên, như vậy: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng nên với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 110310/TT-LL/HĐKT ngày 10/3/2011 giữa Công ty NV và Công ty LL và sự thừa nhận của hai bên thì Công ty LL có bán cho Công ty NV 02 (hai) động cơ Mitsubishi Gas-model GS12V-công suất 1520KW-1000RPM-400V-50HZ đã qua sử dụng, với giá 550.000 USD (Bao gồm thuế giá trị gia tăng). Phương thức thanh toán: Công ty NV đặt cọc cho Công ty LL 100.000 +USD khi hợp đồng được ký kết (thời hạn trong vòng 7 ngày), khi hàng về đến Cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty NV ứng tiếp cho Công ty LL 150.000 USD để Công ty LL làm thủ tục nhập hàng (không quá 3 ngày kể từ ngày có thông báo hàng đến). Khi Công ty LL giao hàng đến kho của Công ty NV, lắp đặt chạy vận hành tốt, Công ty NV thanh toán hết số tiền còn lại. Công ty LL bàn giao máy và hóa đơn cho Công ty NV (Công ty NV thanh toán cho Công ty LL bằng tiền đồng, chuyển khoản theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm thanh toán). Thời gian giao hàng là 45 ngày kể từ ngày Công ty LL nhận được tiền cọc sau khi ký hợp đồng, địa điểm giao nhận tại kho của Công ty NV, chi phí bốc xếp hàng do Công ty LL thanh toán. Trách nhiệm của Công ty NV thực hiện đúng các khoản thanh toán tiền hàng, vận hành chăm sóc, bảo quản máy đúng quy trình kỹ thuật. Trách nhiệm của Công ty LL thực hiện đúng Điều I và II của hợp đồng, nếu Công ty LL vi phạm Điều 3.1 (Thời gian giao hàng) nhưng không trễ hơn 15 ngày từ ngày phải thực hiện việc giao hàng hóa hoặc có sự cố về kỹ thuật khi lắp đặt vận hành thì Công ty LL phải bồi thường cho Công ty NV 30% tính trên tổng số tiền đã thanh toán tới thời điểm vi phạm.

[6] Theo nguyên đơn, sau khi ký hợp đồng Công ty NV đã đặt cọc cho Công ty LL 100.000 USD tương đương 2.088.000.000 đồng, đến ngày 23/3/2011 Công ty NV thanh toán tiếp cho Công ty LL 150.000 USD tương

đương 3.105.000.000 đồng. Tổng cộng Công ty NV đã giao cho Công ty LL 5.193.000.000 đồng. Công ty LL đã giao cho công ty NV 02 động cơ Mitsubishi GAS-Model GS12V-Công suất 1520KW-1000RPM-400V-50HZ cho công ty NV tại trụ sở Công ty TH 01 động cơ và Công ty TT 01 động cơ (theo yêu cầu của Công ty NV). Tuy nhiên, Công ty NV chưa giao hết tiền cho Công ty LL, vì Công ty LL chưa lắp đặt chạy vận hành tốt 02 động cơ nêu trên như thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể Công ty LL mới lắp đặt 01 động cơ tại Công ty TH nhưng không vận hành được, ngược lại Công ty LL cho rằng công ty đã lắp đặt và cho nổ một động cơ còn 01 động cơ để ở Công ty TT chưa lắp đặt do hai bên đang có tranh chấp; Điều này cho thấy lời khai của hai bên có mâu thuẫn với nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Công ty LL yêu cầu tòa cho trưng cầu giám định 02 động cơ nêu trên; lẽ ra, để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm cần phải trưng cầu giám định của cơ quan chuyên môn để có kết luận 02 động cơ nêu trên có vận hành tốt như hợp đồng hai bên đã ký kết hay không, nhưng tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là thu thập thiếu chứng cứ nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm theo như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của Công ty LL là phù hợp.

[7] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử nghĩ nên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do hủy án sơ thẩm nên Công ty TNHH TM LL và Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ NV không phải chịu án phí nên được hoàn lại 2.000.000 đồng tiền tạm nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148; Khoản 3 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại LL
2. Hủy bản án sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, giữa nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ NV và bị đơn Công ty TNHH Thương mại LL

Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại LL và Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ NV không phải chịu án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại LL 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm nộp án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0006201 ngày 13/11/2018 và hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ NV 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền

tạm nộp án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0006206 ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trinh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao
TP.HCM;
- VKSND cấp cao
TP.HCM;
- VKSND
TP.HCM;
- TAND H.Nhà
Bè;
- Chi cục THADS H.
Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Thu Chinh Hà Thanh Thủy

Nguyễn Thị Trinh